Số: 1219/QĐ-UBND
Thời gian ký: 31/05/2022 08:22:02 +07:00

Phụ lục III

DIỆN TÍCH ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG ĐƯA VÀO SỬ DỤNG TRONG KỲ QUY HOẠCH 2021 -2030 PHÂN BỔ ĐẾN TỪNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ CỦA HUYỆN CƯ M'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính																
				TT Ea Pốk	TT Quảng Phú	Xã Quảng Tiến	Xã Ea Kuếh	Xã Ea Kiết	Xã Ea Tar	Xã Cư Dliê M'nông	Xã Ea H'đinh	Xã Ea Tul	Xã Ea Kpam	Xã Ea M'droh	Xã Quảng Hiệp	Xã Cư M'gar	Xã Ea D'rơng	Xã Ea M'nang	Xã Cư Suê	Xã Cuôr Đăng
(1)	(2)	(3)	(4) = (5)+...+(21)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)
1	**Đất nông nghiệp**	**NNP**	**121,62**	**5,60**			**48,01**	**52,39**		**0,18**	**1,78**	**1,18**			**1,84**				**8,50**	**2,12**
1.1	Đất trồng lúa	LUA																		
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK																		
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	*121,62*	5,60			48,01	52,39		0,18	1,78	1,18			1,84				8,50	2,12
2	**Đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**7,75**	**1,20**								**3,00**	**0,22**						**0,95**	**2,38**
	Trong đó:																			
2.1	Đất quốc phòng	CQP																		
2.2	Đất an ninh	CAN	*0,10*																	0,10
2.3	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	*0,40*																	0,40
2.4	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	*3,75*									3,00								0,75
	Trong đó:																			
-	*Đất xây dựng cơ sở văn hóa*	*DVH*	*0,75*																	0,75
-	*Đất xây dựng cơ sở y tế*	*DYT*																		
-	*Đất công trình năng lượng*	*DNL*	*3,00*									3,00								
2.5	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	*0,22*										0,22							
2.6	Đất ở tại nông thôn	ONT	*1,13*																	1,13
2.7	Đất ở tại đô thị	ODT	*1,20*	1,20																
2.8	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	*0,95*																0,95	